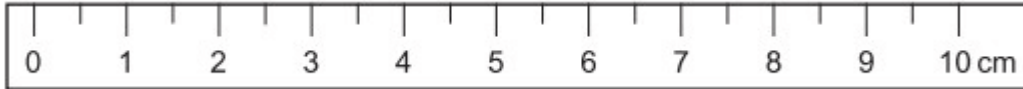


A. PHÂN MÔN VẬT LÝ (4,5 điểm)

I. TRẮC NGHIỆM (2,0 điểm)

Câu 1: GHĐ và ĐCNN của thước dưới đây lần lượt là:



- A. 10 cm; 1 mm. B. 10 mm; 1 mm. C. 10 cm; 0.5cm. D. 10 mm; 0.5mm.

Câu 2: Để đo thời gian chạy ngắn 100m ta sử dụng đồng hồ nào để đo là hợp lí nhất?

- A. Đồng hồ treo tường. B. Đồng hồ cát.
C. Đồng hồ quả lắc. D. Đồng hồ bấm giây.

Câu 3: Nhiệt kế y tế thủy ngân hoạt động dựa trên hiện tượng giãn nở vì nhiệt của

- A. chất rắn. B. chất lỏng.
C. chất khí. D. các chất rắn, lỏng, khí.

Câu 4: Mẹ Hoa dặn Hoa ra chợ mua 4 lạng thịt bò, 4 lạng này có nghĩa là

- A. 400 g. B. 40 g. C. 4 g. D. 4 kg.

II. TỰ LUẬN (2,5 điểm)

Câu 5. (1,5 điểm)

- a. Em hãy nêu các bước sử dụng nhiệt kế y tế thủy ngân.
b. Hãy đổi các nhiệt độ sau từ độ C ($^{\circ}\text{C}$) sang độ F ($^{\circ}\text{F}$): 20°C và 37°

Câu 6. (1,0 điểm)

Trình bày các tác dụng của lực. Lấy ví dụ minh họa cho từng tác dụng của lực.

B. PHÂN MÔN HOÁ HỌC (2,75 điểm)

I. TRẮC NGHIỆM (1,5 điểm)

Câu 1: Kính lúp cầm tay có tác dụng dụng gì khi quan sát các vật nhỏ?

- A. Nhìn vật xa hơn. B. Phóng to ảnh của một vật.
C. Làm ảnh của vật nhỏ hơn. D. Không thay đổi kích thước của ảnh.

Câu 2: Quan sát vật nào dưới đây cần phải sử dụng kính hiển vi quang học?

- A. Con ong. B. Con kiến.
C. Tép bưởi. D. Tế bào biểu bì vảy hành.

Câu 3: Kí hiệu cảnh báo dưới đây cho biết điều gì?



A. Chất dễ cháy.

B. Chất gây nổ.

C. Chất độc.

D. Chất ăn mòn.

II. TỰ LUẬN (1,25 điểm)

Câu 4: (0,75 điểm)

a. Thế nào là vật sống, vật không sống?

b. Cho các vật sau đây: con gà, hòn đá, cây dừa, ngôi nhà. Em hãy cho biết vật nào là vật sống, vật nào là vật không sống?

Câu 5: (0,5 điểm) Trong giờ thực hành hóa học, Bạn Nam tự ý sử dụng hóa chất và không may bị bỏng ở tay, Bạn Đức thấy vậy liền kéo bạn Nam ra vòi nước và xả nước ở mức độ vừa phải vào tay bạn Nam.

a. Trong trường hợp trên bạn Đức đã xử lý tình huống đúng chưa?

b. Bạn Nam đã vi phạm lỗi nào gây mất an toàn trong phòng thực hành?

C. PHÂN MÔN SINH HỌC (2,75 điểm)

I. TRẮC NGHIỆM (1,5 điểm) Chọn phương án trả lời đúng cho các câu sau:

Câu 1: Nhân/vùng nhân của tế bào có chức năng gì?

A. Tham gia trao đổi chất với môi trường

B. Là trung tâm điều khiển mọi hoạt động của tế bào

C. Là nơi diễn ra các hoạt động sống của tế bào

D. Là nơi tạo ra năng lượng cung cấp cho mọi hoạt động của tế bào

Câu 2: Tế bào được coi là đơn vị cơ bản cấu tạo nên cơ thể vì:

A. Tế bào có kích thước hiển vi.

B. Mọi cơ thể sống đều được cấu tạo từ tế bào.

C. Tế bào có hình dạng đa dạng.

D. Tế bào có khả năng chuyển hóa năng lượng.

Câu 3: Thành phần nào dưới đây không có ở tế bào nhân thực?

A. Màng nhân

B. Vùng nhân

C. Chất tế bào

D. Hệ thống nội màng

II. TỰ LUẬN (1,25 điểm)

Câu 4:

a, Tại sao các tế bào khác nhau lại có hình dạng và kích thước khác nhau? Nêu cấu tạo của tế bào?

b, Sự sinh sản của tế bào có ý nghĩa gì?

c, Một tế bào mô phân sinh ở thực vật tiến hành phân chia liên tiếp 4 lần. Hỏi sau quá trình này, số tế bào con được tạo thành là bao nhiêu?

----- **HẾT** -----

(Đề kiểm tra gồm có 02 trang)

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Giám thị coi thi không giải thích gì thêm.

A. PHÂN MÔN VẬT LÝ (4,5 điểm)

I. TRẮC NGHIỆM: 2 điểm (đúng mỗi câu được 0,5 điểm)

Câu	1	2	3	4
Đáp án	C	D	B	A

II. TỰ LUẬN: 2,5 điểm

Câu	Hướng dẫn	Điểm
Câu 5. (1,5 điểm)		
a	Bước 1. Dùng bông y tế lau sạch thân và bầu nhiệt kế.	0, 25
	Bước 2. Vẩy mạnh cho thủy ngân bên trong nhiệt kế tụt xuống.	0, 25
	Bước 3. Dùng tay phải cầm thân nhiệt kế, đặt bầu nhiệt kế vào nách trái, kẹp tay lại để giữ nhiệt kế	0, 25
	Bước 4. Chờ khoảng 2 – 3 phút, lấy nhiệt kế ra đọc nhiệt độ.	0, 25
b	$20^{\circ}\text{C} = (20^{\circ}\text{C} \times 1,8) + 32 = 68^{\circ}\text{F}$	0, 25
	$37^{\circ}\text{C} = (37^{\circ}\text{C} \times 1,8) + 32 = 98,6^{\circ}\text{F}$	0, 25
Câu 6. (1,0 điểm)		
	Tác dụng của lực làm thay đổi tốc độ, đổi hướng chuyển động, biến dạng vật.	0, 25
	Ví dụ minh họa cho từng tác dụng của lực đúng	0, 75

B. PHÂN MÔN HOÁ HỌC (2,75 điểm)

I. TRẮC NGHIỆM (1,5 điểm)

Câu	1	2	3
Đáp án	B	D	A

II. TỰ LUẬN (1,25 điểm)

Câu	Hướng dẫn chấm	Điểm
Câu 6		
a	Vật sống: con gà, cây dừa.	0,25
	Vật không sống: hòn đá, ngôi nhà.	0,25
b	Vật sống là vật có khả năng trao đổi chất với môi trường, lớn lên, sinh sản và phát triển.	0,25

	Vật không sống không có các khả năng trên.	
Câu 7		
a	Trong trường hợp trên bạn Đức đã xử lý tình huống đúng.	0,25
b	Bạn Nam đã vi phạm lỗi: tự ý thực hành thí nghiệm khi chưa có sự hướng dẫn của giáo viên.	0,25

C. PHÂN MÔN SINH HỌC (2,75 điểm)

I. Trắc nghiệm: (1,5 điểm): Mỗi câu chọn đáp án đúng được 0,5 điểm.

Câu 1	Câu 2	Câu 3
B	B	D

II. Tự luận: (1,25 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 4a		0,5
	- Các tế bào khác nhau có hình dạng và kích thước khác nhau để thực hiện các chức năng khác nhau.	0,25
	- Cấu tạo tế bào gồm: màng tế bào, tế bào chất, nhân hoặc vùng nhân	0,25
Câu 4b		0,5
	Ý nghĩa: Làm tăng số lượng tế bào, thay thế các tế bào già, các tế bào bị tổn thương, các tế bào chết, giúp cơ thể lớn lên (sinh trưởng) và phát triển.	0,5
Câu 4c		0,25
	- Từ 1 tế bào mẹ phân chia liên tiếp 4 lần tạo ra $2^4 = 16$ tế bào con	0,25

Chú ý:

- Học sinh giải cách khác đúng vẫn cho điểm tối đa.
- Mọi vấn đề phát sinh trong quá trình chấm phải được trao đổi trong tổ chấm và chỉ cho điểm theo sự thống nhất của cả tổ.
- Điểm toàn bài là tổng số điểm các phần đã chấm, không làm tròn điểm.